TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số bản án: **125**/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Ngọc Diệu.
Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty A; trụ sở: B C, phường D, quận E, Thành phố F.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Hồng H, sinh năm: 1990, cư trú tại: số G, đường I, phường K, thành phố M. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm: 1979; nơi cư trú: N, ấp Q, xã X, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, bản tự khai, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty a, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Hồng H trình bày:

Ngày 03/10/2016, bà Nguyễn Thị Thanh H1 có ký hợp đồng tín dụng số 20161006-500000-1324 với Công ty A vay số tiền là 40.090.000 đồng với lãi suất 2.92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà H1 có trách nhiệm thanh toán số tiền là 65.274.000 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.814.000 đồng, tháng cuối cùng trả

1.784.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu vào ngày 10/11/2016. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty A được 05 lần với số tiền là 9.130.000 đồng. Kể từ ngày 12/3/2017 đến nay, bà H1 không thanh toán bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Vì vậy, Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 thanh lý hợp đồng theo phương thức sau: Trả toàn bộ nợ gốc đến hạn là 36.672.856 đồng. Trả toàn bộ nợ lãi là 19.471.144 đồng. Tổng số tiền Công ty A khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả là 56.144.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Hà các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện và nộp kèm theo bản sao giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161006-500000-1324 ngày 04/10/2016 ký kết giữa Công ty A với bà Nguyễn Thị Thanh H1, vay số tiền là 40.090.000 đồng với lãi suất 2.91%/tháng để tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay trả góp; Theo đơn đề nghị vay vốn ngày 03/10/2016 giữa bà Nguyễn Thị Thanh H1 với Công ty A

Như vậy, có cơ sở xác định ngày 03/10/2016, giữa Công ty A với bà Nguyễn Thị Thanh H1 có ký hợp đồng tín dụng vay trả góp.

[3] Do Công ty A là doanh nghiệp thuộc Ngân hàng A, là một tổ chức tín dụng, một pháp nhân hoạt động có đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực tài chính, tín dụng nên việc áp dụng pháp luật khi giải quyết tranh chấp được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cao hơn 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này"*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

[5] Do bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay nợ nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty A khởi kiện chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn và yêu cầu bà H1phải trả nợ theo thỏa thuận của các bên.

[6] Tuy đến các kỳ thanh toán nợ cho Công ty A nhưng bà H1 vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Cho đến khi phía Công ty A khởi kiện tại Tòa án thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà H1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H1 vẫn không đến Tòa giải quyết vụ án để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng phía Công ty A đã chứng minh được bà Hà còn nợ của Công ty A tổng số tiền 56.144.000 đồng, căn cứ vào hợp đồng tín dụng và mức lãi suất do các bên thỏa thuận mà phía Công ty A cung cấp. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà Công ty A đã cung cấp được. Xem như bà H1 đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh của Công ty A đã cung cấp.

[7] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Công ty A và buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền là 56.144.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 36.672.856 đồng, nợ lãi: 19.471.144 đồng.

[8] Về án phí:

Bà H1 phải chịu án phí là 5% của số tiền 56.144.000 đồng, được tính là 2.807.200 đồng. Công ty A không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.403.600 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 357, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với bà Nguyễn Thị Thanh H1 về yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

[3] Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền là 56.144.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)*, trong đó gồm: Nợ gốc là 36.672.856 đồng *(Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng)*, nợ lãi là 19.471.144 đồng *(Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng)*.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh H1 còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161006-500000-1324 đã ký ngày 03/10/2016 giữa bà Nguyễn Thị Thanh H1 và Công ty cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp Công ty A có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty A thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.807.200 đồng *(Hai triệu tám trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng).*

Công ty A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.403.600 đồng *(Một triệu bốn trăm lẻ ba nghìn sáu trăm đồng)* theo biên lai thu số 0016823 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

[6] Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký

Phạm Minh Tâm